

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/KDTM-ST

Ngày : 16-06-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Lê Thị Chí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2019/TLST-KDTM ngày 25 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2020/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2020/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần BH; địa chỉ trụ sở: Xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Tuyết O; địa chỉ nơi cư trú: Xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Định; địa chỉ liên hệ: Đường T, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2019) (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần T; địa chỉ trụ sở: Đường H, Phường N, Quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Việt C; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 18/10/2019 của nguyên đơn là Công ty Cổ phần BH và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là bà Võ Thị Tuyết O trình bày:

Ngày 15/6/2017 Công ty Cổ phần TN (nay đổi thành Công ty Cổ phần BH) (sau đây viết tắt là Công ty BH) và Công ty Cổ phần T (sau đây viết tắt là Công ty T) có ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán đường số 105/2017. Theo hợp đồng, các bên thỏa thuận Công ty BH sẽ bán nguyên liệu đường cho Công ty T, số lượng hàng hóa sẽ xác định theo đơn đặt hàng của Công ty T, Công ty BH sẽ xuất hóa đơn cho mỗi lần bán hàng và thời hạn Công ty T phải thanh toán tiền mua hàng là trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

Ngày 13/7/2017 Công ty BH và Công ty T ký phụ lục hợp đồng số 01 để điều chỉnh một số nội dung của hợp đồng. Theo đó, các bên điều chỉnh thời hạn thanh toán từ 15 ngày lên 30 ngày kể từ ngày Công ty T nhận được hàng và hóa đơn; mức lãi suất chậm thanh toán là 0.05%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán tính từ ngày đến hạn cho đến ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

Thực hiện hợp đồng, Công ty T đã nhận 4 đợt hàng vào các ngày 12,14,17 và 19/10/2017), mỗi đợt là 2.500kg đường; đơn giá 13.650đ/kg (Giá đã bao gồm thuế VAT). Tổng giá trị 4 đợt hàng là 136.500.000 đồng và Công ty T đã thanh toán một phần, hiện còn nợ lại là 111.500.000 đồng. Mặc dù Công ty BH đã nhiều lần gửi văn bản nhắc yêu cầu thanh toán nợ nhưng Công ty T vẫn không thanh toán. Vì vậy, Công ty BH khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T phải thanh toán số tiền mua hàng (nguyên liệu đường) còn thiếu là 111.500.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 13/3/2020 là 47.973.040 đồng. Tổng cộng, số tiền phải thanh toán là 159.473.040 đồng; và bị đơn còn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán phát sinh kể từ ngày 14/3/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất chậm thanh toán thỏa thuận trong hợp đồng.

Bị đơn là Công ty Cổ phần T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tiến hành hòa giải được.

Ngày 16/5/2020 đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; được xem xét thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền mua hàng còn thiếu; tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 13/3/2020 với tổng số tiền là 159.473.040 đồng; và cần buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán phát sinh kể từ ngày 14/3/2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất chậm thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán; đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại. Bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp nên căn cứ các Điều 30, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là Công ty Cổ phần T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc mua bán đường số 105/2017 ngày 15/06/2017, phụ lục số 01 Hợp đồng nguyên tắc số 105/2017 ngày 13/7/2017 và các tài liệu chứng cứ khác do Công ty Cổ phần BH xuất trình như văn bản đặt hàng, chứng từ hóa đơn xuất hàng và Công văn xin gia hạn thời gian thanh toán nợ từ phía Công ty Cổ phần T, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định giữa Công ty Cổ phần BH và Công ty T có xác lập thỏa thuận mua bán hàng hóa (nguyên liệu đường) và Công ty Cổ phần BH đã thực hiện giao hàng, xuất hóa đơn cho Công ty Cổ phần T theo đúng thỏa thuận như phía Công ty Cổ phần BH đã trình bày.

Phía Công ty Cổ phần T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa, không nộp cho Tòa án văn bản ghi nhận ý kiến của mình, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của Công ty Cổ phần BH. Như vậy, Công ty Cổ phần T đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Công ty Cổ phần BH xuất trình để xác định Công ty Cổ phần T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần BH là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc Công ty Cổ phần T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần BH tổng số tiền mua hàng còn thiếu của 04 đợt hàng ngày 12, 14, 17 và 19/10/2017 là 111.500.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng

Căn cứ Điều 3, Mục 7.2 Điều 7 của Hợp đồng nguyên tắc mua bán đường số 105/2017 ký ngày 15/6/2017 và Điều 1 của Phụ lục số 01 ký ngày 13/7/2017 các bên có thỏa thuận về thời hạn, phương thức thanh toán là trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hàng, xuất hóa đơn và mức lãi suất chậm trả là 0.05%/ ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán cho đến ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Do Công ty Cổ phần T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Cổ phần BH yêu cầu Công ty Cổ phần T phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất chậm thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng tính từ ngày đến hạn cho đến ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán là có cơ sở, nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử buộc Công ty Cổ phần T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần BH khoản tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 13/3/2020 là 47.973.040 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty Cổ phần T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần BH là 159.473.040 đồng; và kể từ ngày 14/3/2020 cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần T còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất chậm thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán hàng hóa và phụ lục hàng hóa.

[5] Xét Công ty Cổ phần T vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong một thời gian dài đã gây thiệt hại cho Công ty Cổ phần BH. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc Công ty Cổ phần T thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên ghi nhận.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty Cổ phần T phải chịu tiền án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện đối với Công ty Cổ phần BH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 24, Điều 50 và Điều 306 của Luật Thương mại 2005;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty Cổ phần T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần BH số tiền là 159.473.040đ (Một trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi đồng), trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(Trong đó, nợ gốc là 111.500.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 13/3/2020 là 47.973.040 đồng).

Kể từ ngày 14/3/2020 cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần T còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất chậm thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán hàng hóa và phụ lục hàng hóa.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.973.652đ (Bảy triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm năm mươi hai đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần BH số tiền 3.732.466đ (Ba triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0025356 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần BH và Công ty Cổ phần T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Việt Hà